

Bản án số: **204/2024/HC-ST**

Ngày: 10/6/2024

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Ngọc Huệ
2. Ông Trần Ngọc Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Giản Thị Dung

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương- Kiểm sát viên

Vào các ngày 26 tháng 4, ngày 23 tháng 5 và ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 250/2023/TLST- HC ngày 01 tháng 11 năm 2023 về “Khiếu kiện quyết định hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1904/2024/QĐXXST-HC ngày 03 tháng 4 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5818/2024/QĐST-HC ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 7220/2024/QĐST-HC ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Huỳnh Kim B (có mặt)

Địa chỉ: 3 ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N

Địa chỉ: 330 đường N, ấp A, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Đỗ Hồng P-Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Lê Phan N-Phó Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

-Ông Đỗ Văn L, Phó trưởng ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện N (có mặt)

-Ông Trần Quốc B1, Phó trưởng phòng Nghiệp vụ 2 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện N (có mặt)

-Ông Lê Văn H, Phó trưởng phòng T3 (có mặt)
-Bà Nguyễn Thị Ngọc T, Phó trưởng phòng –Phòng tư pháp huyện N (có mặt)

Địa chỉ: C đường N, ấp A, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị T (có mặt ngày 26/4/2024 và vắng mặt các ngày 23/5/2024, ngày 10/6/2024)

Địa chỉ: 3 ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông Huỳnh Kim B trình bày:

Vào năm 1985 ông nhận chuyển nhượng đất của bà Phan Thị X (địa chỉ: 3 ấp B xã N). Năm 1989 ông cất nhà trên thửa đất này để tách hộ diện tích gần 100m² kết cấu cột gỗ tròn, mái lá, vách lá và được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã N xác nhận. Năm 1994 ông đóng thuế đất được UBND xác nhận diện tích 425m² là loại đất ở.

Năm 1998 ông được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1433 QSDĐ/ H-UBND thuộc thửa 246 tờ bản đồ số 01 với diện tích: 583m² loại đất ký hiệu (T) là đất thổ, mục đích sử dụng lâu dài- chưa xem xét tiền sử dụng đất. Điều đó chứng minh nhà nước công nhận toàn bộ diện tích trên là đất thổ chưa nộp tiền sử dụng đất. Năm 2003 ông có nhận tiền đền bù mở rộng Hương lộ 34 (nay đường L diện tích = 35m²/583m² là loại đất thổ gần 600.000 đồng/m² đất nông nghiệp gần 270.000đồng/m².

Năm 2011 ông xin sửa chữa nhà loại cấp 4 có xác nhận của UBND xã N chứng minh thời điểm cất nhà trước dự án cầu L nên xã mới cho sửa chữa nhà. Năm 2012 ông được UBND huyện N cấp sổ nhà mới là 1576 thay cho sổ cũ 3/41 chứng minh đất ở mới được cấp sổ nhà mới còn đất nông nghiệp không được cấp.

Năm 2015 ông được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05424 thuộc thửa 444 tờ bản đồ số 4 với diện tích: 179,9m² mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn thay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ thuộc thửa 246 tờ bản đồ số 01 trong giấy chứng nhận này có vẽ sơ đồ ranh mở rộng cầu L.

Đến năm 2018 ông có nhận giấy thông báo thu hồi đất về xây dựng cầu L là Quyết định số 445/QĐ UBND ngày 30/01/2018 của UBND thành phố về kế hoạch phê duyệt sử dụng đất năm 2018 của huyện N diện tích đất dự kiến thu hồi : 573,6m².

Ngày 18/6/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 779/QĐ- UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng cầu L, huyện N và ban hành Quyết định số 882/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Huỳnh Kim B2, địa chỉ 3/41, Ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc một phần thửa đất số 49, đường tờ bản đồ số 4 xã N (theo tài liệu bản đồ địa chính); thuộc một phần thửa đất số 246, rạch tờ bản đồ số 1, xã N (theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB) theo bản đồ hiện trạng vị trí số 79, 49-1/CLK/NĐ do Công ty TNHH X1 lập ngày 07/10/2020 và ngày 31/12/2020. Lý do thu hồi đất: để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng cầu L, huyện N. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 148.835.229 đồng. Ngày 26/8/2022, ông đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên.

Ông khẳng định toàn bộ diện tích thửa 49 tờ bản đồ số 4 được Nhà nước công nhận là đất ở nhưng UBND huyện N lại bồi thường phần diện tích là 24,5m² theo giá đất nông nghiệp là không hợp lý, đáng lẽ ra phải bồi thường theo giá đất ở trong phương án là khoảng 33.000.000 đồng/m². Vì vậy ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N về thu hồi đất công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư xây dựng cầu L và Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 18/6/ 2021 của UBND huyện N về phương án bồi thường xây dựng cầu L. Ông cam đoan không đồng thời khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Người bị kiện UBND huyện N: có đơn xin vắng mặt, tại Văn bản số 3148/UBND-BBT về việc có ý kiến đối với hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của ông Huỳnh Kim B2 trong dự án Xây dựng cầu L, huyện N:

UBND huyện N nhận được Thông báo số 250/TB-TLVA ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án hành chính về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính" đối với ông Huỳnh Kim B2 trong dự án Xây dựng cầu L, huyện N. Qua rà soát hồ sơ, UBND huyện N có ý kiến như sau: Ngày 18/6/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 882/QĐ-UBND về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Huỳnh Kim B2, địa chỉ 3 tổ C ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án Xây dựng cầu L, huyện N với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 148.835.229 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng). Đồng thời, ngày 26/8/2022, ông Huỳnh Kim B2 đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên. Như vậy, UBND huyện N đã thực hiện công tác thu

hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với ông Huỳnh Kim B2 theo Luật Đất đai và các quy định, hướng dẫn hiện hành.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà là vợ của ông Huỳnh Kim B2, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim B2.

Quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ghi nhận đối thoại không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người khởi kiện rút yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N về thu hồi đất công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư xây dựng cầu L. Đối với Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N: ông sửa đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy 1 phần Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N, yêu cầu bồi thường về phần diện tích 23,5 m² theo giá đất ở (phần bồi thường vật kiến trúc ông đồng ý nên không yêu cầu bồi thường thêm). Ông xác định ông bị thu hồi 24,5 m² nhưng trong đó có 1m² là rạch nên ông chỉ yêu cầu phần diện tích 23,5 m² theo giá đất ở quy định tại mục V tiểu mục 7 Chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xây dựng cầu L, huyện N số 02/CSBT-HĐBT ngày 18/6/2021 (đã được phê duyệt bởi Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N) là 32.293.800 đồng/m².

Phía người bị kiện UBND huyện N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ông Đỗ Văn L1, ông Trần Quốc B3, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị Ngọc T2 trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim B2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim B2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đúng thành phần và chấp hành quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Huỳnh Kim B2 về

việc hủy 1 phần Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N về phương án bồi thường xây dựng cầu L là có cơ sở chấp nhận. Do ông Huỳnh Kim B2 rút yêu cầu hủy Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N về thu hồi đất công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư xây dựng cầu L nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Xét đơn của ông Huỳnh Kim B2 khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính của UBND huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và còn thời hiệu theo Điều 30, Điều 32, Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, nên chấp nhận.

[2] Xét đơn xin vắng mặt của phía người bị kiện phù hợp Điều 157, Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, nên chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa người khởi kiện rút yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N về thu hồi đất công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư xây dựng cầu L. Do ông B2 rút yêu cầu trên nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của ông B2 theo khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính.

Đối với Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N: ông sửa đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy 1 phần Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N, yêu cầu bồi thường phần diện tích 23,5 m² theo giá đất ở (phần bồi thường vật kiến trúc ông đồng ý nên không yêu cầu bồi thường thêm). Ông xác định ông bị thu hồi 24,5 m² đất nhưng trong đó có 1m² là rạch nên ông chỉ yêu cầu phần diện tích 23,5 m² theo giá đất ở quy định tại mục V tiểu mục 7 Chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xây dựng cầu L, huyện N số 02/CSBT-HĐBT ngày 18/6/2021(đã được phê duyệt bởi Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N) là 32.293.800 đồng/m².

[4] Đối với yêu cầu hủy 1 phần Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N về phương án bồi thường xây dựng cầu L, ông B2 yêu cầu bồi thường diện tích 23,5m² là đất ở, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về nguồn gốc đất bị thu hồi: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1433 QSDĐ/ H-UBND ngày 15/8/1998 thuộc thửa 246 tờ bản đồ số 01 với diện tích: 583m² loại đất ký hiệu (T) thời hạn sử dụng lâu dài. Năm 2003 ông B2 có

nhận tiền đền bù mở rộng Hương lộ C (nay đường L) diện tích = $35\text{m}^2/583\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 246, Tờ bản đồ số 1, diện tích còn lại là 548m^2 .

Ngày 18/9/2015 ông B2 được tách thửa từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1433QSDĐ/H-UBND ngày 15/8/1998, thửa đất số 246, Tờ bản đồ số 1 diện tích là 583m^2 ra Giấy chứng nhận số CH05295 diện tích $396,9\text{m}^2$ thuộc Thửa đất số 49, Tờ bản đồ số 4 mục đích sử dụng là đất ở (Ngày 12/11/2015 khi tách thửa ông được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05424 thuộc thửa 444 tờ bản đồ số 4 với diện tích $179,9\text{m}^2$ mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn thay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ thuộc thửa 246 tờ bản đồ số 01 trong giấy chứng nhận này có vẽ sơ đồ ranh mở rộng cầu L và ngày 08/01/2016 UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0805530 thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 4 với diện tích 217m^2 mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, hình thức sử dụng chung (theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 011376 Quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Văn phòng C chứng thực ngày 17/11/2015) và ông B2 đã thực hiện nghĩa vụ tài chính. Diện tích đất còn lại nằm ở thửa đất số 246, Tờ bản đồ số 1.

Ngày 12/12/2018, UBND huyện N ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng cầu L, huyện N với nội dung thu hồi đất của ông Huỳnh Kim B2 diện tích đất dự kiến thu hồi $573,6\text{m}^2$, thửa đất số 49, Tờ bản đồ thứ 4 xã N, huyện N.

Công ty TNHH X1 tiến hành vẽ Bản đồ số 79/CLK/NĐ ngày 07/10/2020 và Bản đồ số 49-1/CLK-NĐ ngày 31/12/2020. Theo đó, diện tích đất thu hồi của thửa đất số 49 của ông Huỳnh Kim B2 là 73m^2 bao gồm đất TV (trồng cây lâu năm) và đất ĐGT ($0,7\text{m}^2$).

Giấy xác nhận pháp lý, nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc số 49/XMNG ngày 22/3/2021 của UBND xã N xác định : *"Thửa 49= 73m^2 , Tờ bản đồ số 04 (theo tài liệu bản đồ địa chính), theo Tài liệu 02/CT- UB thuộc thửa 246, Rạch tờ bản đồ số 1, xã N, ông B2 nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị Ú năm 1985 và sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp. Trong đó phần diện tích $48,5\text{m}^2$ ông B2 đã nhận bồi thường trong dự án sửa chữa nâng cấp Hương lộ C. Phần $D=0,7\text{m}^2$ tờ bản đồ số 04 (tài liệu bản đồ địa chính), theo Tài liệu 02/CT- UB thuộc thửa 246, tờ bản đồ số 1, xã N, nguồn gốc đất do ông B2 lấn chiếm sử dụng từ năm 2005 đến nay, không tranh chấp"*.

Ngày 27/4/2021, UBND huyện N có Công văn số 82/TNMT-BT về việc trả lời Văn bản số 177/BBT-TDC ngày 23/3/2021 của Ban bồi thường giải phóng

mặt bằng về việc xác định điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong dự án Xây dựng cầu L, địa bàn xã N, trường hợp của ông Huỳnh Kim B2.

"Qua kiểm tra hồ sơ, Giấy xác nhận pháp lý, nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc số 49/XMNG ngày 22/3/2021 của UBND xã N, bản vẽ hiện trạng vị trí số 49, 49-I/CLK-NĐ của Công ty TNHH X1 ngày 07/10/2020 và đối chiếu các quy định, Phòng T3 có ý kiến như sau:

Ông Huỳnh Kim B2 đang sử dụng 73,7m². Trong đó có 48,5m² đã được bồi thường trong dự án sửa chữa, nâng cấp Hương lộ 34 nhưng chưa giao mặt bằng. Phần diện tích còn lại trong dự án xây dựng cầu L là 24,5m². Theo tài liệu bản đồ địa chính số thửa 49=24,5m²(TV) tờ bản đồ số 4. Theo tài liệu 02/CT-UB thuộc thửa 246=23,5m² (T): rạch R= 1m² (SON) tờ bản đồ số 01 xã N.

Phần diện tích 23,5m² thuộc thửa 246 = 23,5m² (T) tờ bản đồ số 01 theo tài liệu 02/CT-UB không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo khoản 2, Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Phần diện tích 1 m² thuộc rạch R = 1m² (SON) tờ bản đồ số 01 (TL 02/CT UB) không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận do có nguồn gốc là đất rạch do Nhà nước quản lý theo khoản 3, Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP".

Ngày 18/6/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 779/QĐ- UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng cầu L, huyện N và ban hành Quyết định số 882/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Huỳnh Kim B2, địa chỉ 3/41, Ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc một phần thửa đất số 49, đường tờ bản đồ số 4 xã N (theo tài liệu bản đồ địa chính); thuộc một phần thửa đất số 246, rạch tờ bản đồ số 1, xã N (theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB) theo bản đồ hiện trạng vị trí số 79, 49-1/CLK/NĐ do Công ty TNHH X1 lập ngày 07/10/2020 và 31/12/2020. Lý do thu hồi đất: để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng cầu L, huyện N.

Ngày 18/6/2021, UBND huyện N có Phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư số 115/PABT-HDBT ngày 18/6/2021 đối với đất của ông Huỳnh Kim B2 với diện tích thửa số 49= 73m² trong đó 48,5m² đã bồi thường trong dự án sửa chữa nâng cấp Hương lộ C và 0,7m² không được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất do lấn chiếm không được hỗ trợ bồi thường, 1m² đất rạch sử dụng năm 2005 không được hỗ trợ, còn lại 23,5m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm được bồi thường giá 4.393.920 đồng/m² với giá trị 103.257.120 đồng kèm giá trị nhà ở, công trình

và vật kiến trúc là 45.578.109 đồng. Tổng cộng số tiền ông Huỳnh Kim B2 được bồi thường là 148.835.229 đồng. Ngày 26/8/2022 và ngày 19/5/2023, UBND huyện N đã bồi thường số tiền 148.835.229 đồng cho ông Huỳnh Kim B2 và ông B2 đã nhận đủ số tiền bồi thường.

Về đơn giá đất để tính bồi thường, UBND huyện N bồi thường cho ông B2 căn cứ vào giá đất là đất nông nghiệp trồng cây (TV).

Ông Huỳnh Kim B2 cho rằng diện tích đất của ông B2 toàn bộ là đất thổ cư, đất ở là vì từ thời điểm ông B2 được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1433/QSDĐ/H-UBND ngày 15/8/1998 thì thửa đất số 246 diện tích 583 m² có mục đích sử dụng là "T". Căn cứ Thông báo về việc nộp thuế trước bạ nhà, đất số U201510394/TB-CCT TBA ngày 26/8/2015 và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số U201510394/TB-CCT TBA ngày 11/9/2015 của Chi cục thuế huyện N thì Thửa đất số 49, Tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ 3 Tổ C, Ấp B L, N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 396,9 m², hình thức sử dụng đất là "Đất ở" và ông Huỳnh Kim B2 đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Thửa đất số 49, Tờ bản đồ số 4 là đất ở. Do đó, có căn cứ xác định Thửa đất số 49 của ông Huỳnh Kim B2 có diện tích là 396,9 m² toàn bộ là đất ở. Phần diện tích 23,5 m² còn lại nằm trong phần đất thuộc thửa số 246 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1433 ngày 15/8/1998 thì thửa đất số 246 diện tích 583 m² có mục đích sử dụng là "T". Do đó UBND huyện N xác định diện tích 23,5 m² bị thu hồi như trên của ông Huỳnh Kim B2 là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là không có căn cứ.

Đồng thời phía người bảo vệ của người bị kiện cũng thừa nhận phần đất 23,5m² bị thu hồi nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1433 QSDĐ/ H-UBND thuộc thửa 246 tờ bản đồ số 01 với diện tích: 583m² loại đất ký hiệu (T). Do vậy khi tiến hành thu hồi đất thì UBND huyện N lẽ ra phải bồi thường 23,5m² đất ở cho ông Huỳnh Kim B2 theo đúng Chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xây dựng cầu L, huyện N số 02/CSBT-HĐBT ngày 18/6/2021 (đã được phê duyệt bởi Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N) với giá 32.293.800 đồng/m².

Về thẩm quyền và trình tự ban hành: Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Huỳnh Kim B2 trong dự án xây dựng cầu L, huyện N và Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện N về việc thu hồi đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng cầu L, huyện N là đúng quy định, tuy nhiên về nội dung không đúng theo bản chất sự việc và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng người khởi kiện yêu cầu hủy 1 phần Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân

huyện N, yêu cầu bồi thường diện tích 23,5m² theo giá đất ở là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận như đại diện Viện Kiểm sát đề nghị. Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của ông Huỳnh Kim B2, không chấp nhận ý kiến của ông L1, ông B3, ông H1, bà T2.

[5] Do chấp nhận yêu cầu nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Người bị kiện UBND huyện N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 173, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 211 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim B2 về việc hủy một phần Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Huỳnh Kim B2 trong dự án xây dựng cầu L, huyện N.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện N phải bồi thường 23,5 m² đất ở cho ông Huỳnh Kim B2 theo đúng quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim B2 đối với yêu cầu hủy Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng cầu L, huyện N.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Huỳnh Kim Ba K phải chịu án phí nên được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2022/0004091 ngày 27/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban nhân dân huyện N phải chịu án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời

hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy